TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **117**/2019/ DS-ST Ngày: 26/11/2019. (V/v:*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*).	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tiền và Bà Nguyễn Thị Minh Hồng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Hà – Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh H1 - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà nội; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 40/2019/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 105/2019/QĐXX-ST ngày 12/11/2019 giữa:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần hạ tầng Đ ;

Trụ sở: Số A ngách D Phố T, Phường T, Quận Đống Đa, TP Hà Nội;

Do Ông Trần Đình H làm đại diện theo giấy uỷ quyền số 14/2019 ngày 10/5/2019 của Ông Đầu Khắc C - Tổng giám đốc người đại diện theo pháp luật); (Ông H có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn H1 – Văn phòng luật sư Hà Lan và cộng sự - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (L/s H1 có mặt).

Bị đơn: Bà Phạm Thị Mai H1 sinh năm 1976;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở:P –G khu đô thị Vi, phường V, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Do ông Nguyễn Bằng P sinh năm 1973 và bà Lê Thị T sinh năm 1995 làm đại diện theo giấy ủy quyền lập ngày 10/5/2019 tại Văn phòng công chứng Toàn Tâm.

(Ông Phi có đơn xử vắng mặt; Bà Thúy có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn là Công ty cổ phần hạ tầng Đ có ý kiến:

Theo đơn khởi kiện Công ty cổ phần hạ tầng Đ đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị Mai H1 sinh năm 1976 phải trả cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ số tiền vay gốc là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ) và lãi phát sinh tạm tính đến ngày 23/9/2019 là 872.916.667 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 7.872.916.667 đồng phát sinh trên cơ sở Phiếu chi số PC25/05 ngày 21/5/2015 của Công ty cổ phần hạ tầng Đ cho người nhận là Phạm Thị Mai H1 với số tiền 10.000.000.000 (Mười tỷ đồng).

Tại phiên toà sơ thẩm Công ty cổ phần hạ tầng Đ bổ sung căn cứ tính lãi đề nghị hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị Mai H1 sinh năm 1976 phải trả cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ số tiền vay gốc là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ) và lãi phát sinh tính đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Căn cứ pháp lý chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty cổ phần hạ tầng Đ là khách hàng của Ngân hàng tH1 mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Thành Đô. Quá trình giao dịch tại ngân hàng Công ty cổ phần hạ tầng Đ trực tiếp làm việc với bà Phạm Thị Mai H1 là nhân viên của ngân hàng tH1 mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Thành Đô.

Năm 2015 bà Phạm Thị Mai H1 có nhờ Công ty cổ phần hạ tầng Đ đứng ra vay hộ khoản tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ) thời hạn là 6 tháng, lãi suất 7%/năm (lãi suất bằng lãi suất Ngân hàng tH1 mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam chi nhánh Thành Đô cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ vay). Nên công ty đã cho bà Phạm Thị Mai H1 vay bằng nguồn tiền vốn của công ty.

Ngày 21/5/2015, Công ty cổ phần hạ tầng Đ đã cho bà Phạm Thị Mai H1 vay 10.000.000.000 đồng (mười tỷ) thể hiện tại phiếu chi số PC25/05 có chữ ký và xác nhận của bà H1 để bà H1 giải quyết công việc riêng của bà H1 . Lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 7%/năm theo lãi suất của Ngân hàng tương ứng với khoản tiền mà Công ty cổ phần hạ tầng Đ vay nợ Ngân hàng. Thời hạn vay muộn nhất không quá 06 tháng kể từ ngày nhận tiền (tương ứng với thời hạn Công ty cổ phần hạ tầng Đ vay nợ tại Ngân hàng). Hết thời hạn 06 tháng bà Phạm Thị Mai H1 không trả tiền cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ theo thoả thuận; Sau nhiều lần đòi tiền bà Phạm Thị Mai H1 đã trả tiền cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ 04 lần với tổng số tiền là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ) cụ thể như sau: Ngày 10/11/2017 trả 1.000.000.000 đồng thể hiện tại chi tiết giao dịch chứng từ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân nội dung: Phạm Thị Mai H1 chuyển trả tiền; Ngày 17/11/2017 trả 500.000.000 đồng thể hiện tại chi tiết giao dịch chứng từ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân nội dung: Phạm Thị Mai H1 trả tiền; Ngày 31/01/2018 trả 1.500.000.000 đồng thể hiện tại chi tiết giao dịch chứng từ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân nội dung: Phạm Thị Mai H1 trả tiền; Ngày 30/5/2018 trả 2.000.000.000 đồng thể hiện tại chi tiết giao dịch chứng từ của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân nội dung: Phạm Thị Mai H1 trả nợ vay; Trong số tiền 5.000.000.000 đồng bà Phạm Thị Mai H1 đã trả cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ bao gồm 3.000.000.000 đồng trả nợ gốc và 2.000.000.000 đồng là trả lãi;

Theo quan điểm của Công ty cổ phần hạ tầng Đ thì khoản tiền 10.000.000.000 đồng (mười tỷ) thể hiện tại phiếu chi số PC25/05 ngày 21/5/2015 mà bà Phạm Thị Mai H1 trực tiếp nhận là quan hệ vay mượn tiền giữa hai bên có thuận lãi nhưng đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Mai H1 không thừa nhận có việc vay mượn nên không đồng ý trả lãi. Do hai bên tranh chấp nhau về lãi suất,vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc ban hành lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì lãi suất cơ bản là 9%/năm,bà Phạm Thị Mai H1 phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi của số tiền 10.000.000.000 đồng cho đến ngày 30/12/2016 (thời điểm này là ngày cuối cùng Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực): Công ty cổ phần hạ tầng Đ đề nghị được áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 (Ngân hàng quy định áp dụng lãi suất 9%/năm) Kể từ ngày 01/01/2017, Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, tại Điều 468 của Bộ luật quy định:"*Điều 468. Lãi suất.*

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"

Như vậy, sau khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, lãi suất theo thỏa thuận nhưng tối đa không vượt quá 20%/năm, nhưng các bên không xác định rõ mức lãi suất thì chúng tôi đề nghị áp dụng 50% của mức lãi suất nêu trên, tức là mức lãi suất 10%/năm.

Bị đơn là Bà Phạm Thị Mai H1 do bà Lê Thị Thúy làm đại diện theo uỷ quyền trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm có ý kiến:

Xác nhận bà Phạm Thị Mai H1 có nhận từ Công ty cổ phần hạ tầng Đ số tiền 10.000.000.000 (Mười tỷ)đồng theo phiếu chi ngày 21/5/2015 là đúng. Nội dung của phiếu chi là chi giải quyết công việc nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh.

Giữa bà Phạm Thị Mai H1 và phía Công ty cổ phần hạ tầng Đ không có thoả thuận vay mượn và thoả thuận lãi, thời hạn trả nợ như phía Công ty cổ phần hạ tầng Đ trình bày. Bà Phạm Thị Mai H1 đã trả tiền cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ trong 4 lần vào các ngày 10/11/2017; 17/11/2017; 31/1/2018; 30/5/2018 với tổng số tiền là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ). Toàn bộ số tiền đã trả được tính vào tiền gốc không hề có thoả thuận trả lãi nào. Như vậy tính đến nay bà H1 chỉ còn cầm của Công ty cổ phần hạ tầng Đ số tiền gốc là 5.000.000.000 đồng (năm tỷ).

Với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần hạ tầng Đ thì phía bị đơn không nhất trí với yêu cầu đòi số tiền gốc là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ) và lãi phát sinh trên cơ sở Phiếu chi số PC25/05 ngày 21/5/2019 của Công ty cổ phần hạ tầng Đ cho người nhận là Phạm Thị Mai H1 với số tiền 10.000.000.000 (Mười tỷ đồng). Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Bằng Phi là đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị Mai H1 trong quá trình giải quyết vụ án có ý kiến: Ông hoàn toàn đồng ý với ý kiến, quan điểm và những nội dung mà bà Lê Thị Thuý đã trình bày khi tham gia tố tụng tại phiên toà. Ông giữ nguyên nội dung mà bà Thuý đã trình bày từ trước đến khi xét xử và không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác. Ông đề nghị được vắng mặt trong phiên toà xét xử ngày 26/11/2019.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn Hà trình bày luận cứ: Trên cơ sở Phiếu chi số PC25/05 ngày 21/5/2019 của Công ty cổ phần hạ tầng Đ cho người nhận là Phạm Thị Mai H1 với số tiền 10.000.000.000 (Mười tỷ đồng). Đủ căn cứ xác nhận giao dịch giao và nhận tiền giữa Công ty cổ phần hạ tầng Đ và bà Phạm Thị Mai H1 ngày 21/05/2015 là Hợp đồng vay tài sản, cụ thể:

- Công ty cổ phần hạ tầng Đ đã cho bà H1 vay số tiền 10 tỷ đồng và đã bàn giao đầy đủ cho bà H1 theo Phiếu chi số PC25/05 ngày 21/05/2015 để bà H1 giải quyết công việc riêng của bà H1 .

- Bà H1 cũng đã thừa nhận đã nhận đủ số tiền 10 tỷ đồng từ Công ty cổ phần hạ tầng Đ theo Phiếu chi số PC25/05 ngày 21/05/2015.

- Trong các lần trả nợ, bà H1 thừa nhận quan hệ giữa bà H1 với Công ty cổ phần hạ tầng Đ là quan hệ vay tài sản nên khi chuyển trả nợ tiền vay, bà H1 ghi nhận "chuyển trả tiền", "trả tiền", "trả nợ vay".

Như vậy, căn cứ Điều 121 và giao dịch dân sự, Điều 471 về Hợp đồng vay tài sản (Bộ luật Dân sự 2005), giao dịch giao và nhận tiền giữa Công ty cổ phần hạ tầng Đ và bà Phạm Thị Mai H1 ngày 21/05/2015 là Hợp đồng vay tài sản.

Số tiền cho vay 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng có được Công ty cổ phần hạ tầng Đ hạch toán theo quy định của pháp luật về kế toán:

- Số tiền 10.000.000.000 (mười tỷ) đồng khi cho bà H1 vay, Công ty cổ phần hạ tầng Đ đã phát hành Phiếu chi số PC25/05 ngày 21/05/2015, có đầy đủ thông tin, chữ ký của Giám đốc, Kế toán trưởng, người lập phiếu, người nhận tiền và thủ quỹ, tuân thủ đúng quy định tại

Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và được phản ánh trung thực trong Báo cáo tài chính năm 2015, trong đó tại Phần III về các khoản phải thu ngắn hạn, tại mục 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn với tổng số tiền là 18.900.000.000 đồng (trong đó có khoản cho vay 10 tỷ của bà H1).

Căn cứ tính lãi: Theo quan điểm của Công ty Đ thì việc cho vay là có lãi và mức lãi suất theo quy định của Ngân hàng, còn theo quan điểm của bị đơn thì việc cho vay là không tính lãi. Do hai bên tranh chấp nhau về lãi suất,vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNNngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc ban hành lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam thì lãi suất cơ bản là 9%/năm,bà Phạm Thị Mai H1 phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi của số tiền 10.000.000.000 đồng cho đến ngày 30/12/2016 (thời điểm này là ngày cuối cùng Bộ luật Dân sự năm 2005 có hiệu lực):

Toàn bộ khoản nợ gốc ban đầu (10 tỷ đồng), Công ty cổ phần hạ tầng Đ đề nghị được áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ theo quy định của Bộ luật dân sự 2005 (Ngân hàng quy định áp dụng lãi suất 9%/năm) như sau: 10.000.000.000 đồng x 588 ngày x 9%/365 ngày= 1.470.000.000 đồng;

Kể từ ngày 01/01/2017, Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, tại Điều 468 của Bộ luật quy định:

"*Điều 468. Lãi suất.*

1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"

Như vậy, sau khi Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực, lãi suất theo thỏa thuận nhưng tối đa không vượt quá 20%/năm, nhưng các bên không xác định rõ mức lãi suất thì chúng tôi đề nghị áp dụng 50% của mức lãi suất nêu trên, tức là mức lãi suất 10%/năm. Cụ thể: số tiền 10.000.000.000 đồng x 305 ngày (Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 10/11/2017) x10%/365 ngày = 835.616.438 đồng (*trước ngày bà H1 trả lần 1 số tiền 1 tỷ đồng vào ngày 10/11/2017*);

c) Số tiền 9.000.000.000 đồng x 07 ngày (Từ ngày 11/11 đến ngày 17/11/2017) x10%/365 ngày = 17.260.000 đồng (*tính từ ngày bà H1 trả lần 1 số tiền 1 tỷ đồng vào ngày 10/11/2017*);

d) Số tiền 8.500.000.000 đồng x 75 ngày (Từ ngày 18/11/2017 đến ngày 31/01/2018) x10%/365 ngày = 174.657.534 đồng (*sau ngày bà H1 trả lần 2 số tiền 500 triệu đồng vào ngày 17/11/2017*);

e) Số tiền 7.000.000.000 đồng x 119 ngày (Từ ngày 01/02/2018 đến ngày 30/5/2018) x10%/365 ngày = 228.219.178 đồng (*tính từ sau ngày chị H1 trả tiền lần 3 số tiền 1,5 tỷ đồng đến trước ngày bà H1 trả tiền lần 4 là 30/5/2018*);

Tổng số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/5/2015 đến ngày 30/5/2018 là 2.725.753.150 đồng;

Ngày 30/5/2018, bà H1 trả lần 4 số tiền là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng) được Công ty trừ vào khoản tiền lãi phát sinh phải trả. Số tiền lãi còn nợ từ 21/5/2015 đến 30/5/2018 là: 2.725.753.150 đồng – 2.000.000.000 đồng = 725.753.150 đồng

Số tiền lãi của số tiền 7.000.000.000 đồng từ ngày 31/5/2018 đến ngày tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm (26/11/2019) là: 7.000.000.000 đồng x 545 ngày (Từ ngày 31/5/2018 đến ngày 26/11/2019) x10%/365 ngày = 1.045.205.548 đồng.

Như vậy, bà Phạm Thị Mai H1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ số tiền nợ gốc là 7.000.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/5/2015 đến ngày 30/5/2018 chưa thanh toán là 725.753.150 và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (26/11/2019) là 1.045.205.548 đồng.

Trên cơ sở những căn cứ pháp lý và những lập luận được phân tích ở trên, chúng tôi kính đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Công ty cổ phần hạ tầng Đ , buộc bà Phạm Thị Mai H1 phải có trách nhiệm trả nợ cho Công ty Đ số tiền sau:

Nợ gốc: 7.000.000.000 đồng + Lãi phát sinh: 1.770.958.698 đồng = 8.770.958.698đồng, làm tròn là 8.770.958.000 đồng *(Tám tỷ bảy trăm bảy mươi triệu chín trăm năm mươi tám nghìn đồng chẵn).*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội có quan điểm:

1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng: Thẩm phán đã thực hiện dúng các quy định về nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự; tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các thông báo và Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đương sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại CH1 XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 26 BLTTDS năm 2015; Điều 466, Điều 468 BLDS năm 2015;Nghị quyết 326 quy định về án phí, lệ phí tòa án,

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty CP đầu tư hạ tầng Đ , Bà Phạm Thị Mai H1 phải trả cho Công ty CP đầu tư hạ tầng Đ số tiền nợ gốc là 5.000.000.000 đồng và số tiền nợ lãi chậm trả phát sinh từ thời điểm bà H1 chậm trả tiền nợ gốc.

+ Bà H1 có nghĩa vụ nộp án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết: Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đơn khởi kiện vụ án dân sự của Công ty cổ phần hạ tầng Đ đối với Bà Phạm Thị Mai H1 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đây là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật dân sự năm 2015; Bị đơn là Bà Phạm Thị Mai H1 có Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: P1006-G4CT17 khu đô thị Việt Hưng, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội, vì vậy Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Ông Nguyễn Bằng Phi là người đại diện theo uỷ quyền của bà Phạm Thị Mai H1 vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phi.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn là: Công ty cổ phần hạ tầng Đ đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị Mai H1 sinh năm 1976 phải trả cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ số tiền vay gốc là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ) và lãi phát sinh theo quy định của pháp luật tính đến ngày xét xử phát sinh trên cơ sở Phiếu chi số PC25/05 ngày 21/5/2015 của Công ty cổ phần hạ tầng Đ ;

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn là Công ty cổ phần hạ tầng Đ trình bày cho bà Phạm Thị Mai H1 vay 10.000.000.000 đồng thể hiện tại phiếu chi số PC25/05 ngày 21/5/2015; Đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là bà Lê Thị Thuý xác nhận bà Phạm Thị Mai H1 có nhận của Công ty cổ phần hạ tầng Đ số tiền 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ) theo phiếu chi số PC25/05 ngày 21/5/2015 để giải quyết công việc, Tuy nhiên Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Mai H1 không giải trình được là để giải quyết công việc cụ thể gì; Trong 04 chứng từ mà Bà Nguyễn Thị Mai H1 chuyển tiền trả cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ thì chứng từ ngày 30/5/2018 thể hiện nội dung: Phạm Thị Mai H1 trả nợ vay; Bà Phạm Thị Mai H1 và Công ty cổ phần hạ tầng Đ đều thừa nhận: Ngoài việc Công ty cổ phần hạ tầng Đ chuyển cho Bà Phạm Thị Mai H1 10.000.000.000 đồng vào ngày 21/5/2015 theo phiếu chi số PC25/05 thì Công ty cổ phần hạ tầng Đ không có bất kỳ giao dịch nào với bà Phạm Thị Mai H1 ; Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Mai H1 cũng thừa nhận ngoài 04 lần chuyển tiền thanh toán cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ với số tiền 5.000.000.000 đồng thì không có bất kỳ giao dịch dân sự gì với Công ty cổ phần hạ tầng Đ ; Và số tiền 5.000.000.000 đồng mà bà Nguyễn Thị Mai H1 chuyển cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ là để thanh toán cho số tiền 10.000.000.000 đồng;

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Những vấn đề không phải chứng minh: Người đại diện hợp pháp của bà Phạm Thị Mai H1 đã thừa nhận tại chứng từ ngày 30/5/2018 thể hiện nội dung: Phạm Thị Mai H1 trả nợ vay có chữ ký và chữ viết họ tên của bà Phạm Thị Mai H1 ;

Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Công ty cổ phần hạ tầng Đ có chuyển cho bà Nguyễn Thị Mai H1 số tiền 10.000.000.000 đồng; Mục đích của việc chuyển tiền cho bà Phạm Thị Mai H1 là cho bà Phạm Thị Mai H1 vay tiền là quan hệ dân sự hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên phù hợp với Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:“ Điều 476. Lãi suất: 2. Trong trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất hoặc có tranh chấp về lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ.”

Theo quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN của ngân hàng nhà nước Việt Nam về việc ban hành lãi xuất cơ bản thì lãi suất cơ bản là 9%/Năm;

Do Công ty cổ phần hạ tầng Đ và bà Nguyễn Thị Mai H1 đang có tranh chấp về mức lãi xuất vay vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/2010/QĐ-NHNN Bà Phạm Thị Mai H1 phải có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền lãi của số tiền 10.000.000.000 đồng cho đến ngày 30/12/2016(Là ngày cuối cùng Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực) như sau:

10.000.000.000 đồng x 588 ngày x 9%/365 ngày=1.470.000.000 đồng;

Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Điều 468. Lãi suất 1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Trường hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.
2. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ".
Đối chiếu với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nêu trên thì Bà Phạm Thị Mai H1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ số tiền lãi của số tiền 10.000.000.000 đồng với mức lãi suất 10%/Năm như sau:
-10.000.000.000 đồng x 305 ngày (Từ ngày 01/01 đến ngày 10/11/2017) x 10%/365 ngày = 835.616.438 đồng;
- 9.000.000.000 đồng x 07 ngày (Từ ngày 11/11 đến ngày 17/11/2017) x10%/365 ngày = 17.260.000 đồng;
8.500.000.000 đồng x 75 ngày (Từ ngày 18/11/2017 đến ngày 31/01/2018) x10%/365 ngày = 174.657.534 đồng;
7.000.000.000 đồng x 119 ngày (Từ ngày 01/02/2018 đến ngày 30/5/2018) x10%/365 ngày = 228.219.178 đồng;
Tổng số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/5/2015 đến ngày 30/5/2018 là 2.725.753.150 đồng;
Công ty cổ phần hạ tầng Đ xác định trong số tiền 5.000.000.000 đồng mà bà Phạm Thị Mai H1 đã trả cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ gồm 3.000.000.000 đồng vào nợ gốc và 2.000.000.000 đồng là trả lãi vay là có cơ sở bởi lẽ số nợ lãi tính đến ngày 30/5/2018 là 2.725.753.150 đồng;
Số tiền lãi của số tiền 7.000.000.000 đồng từ ngày 31/5/2018 đến ngày 26/11/2019 là: 7.000.000.000 đồng x 545 ngày (Từ ngày 31/5/2018 đến ngày 26/11/2019) x10%/365 ngày = 1.045.205.548 đồng.
Như vậy Phạm Thị Mai H1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ số tiền nợ gốc là 7.000.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/5/2015 đến ngày 30/5/2018 chưa thanh toán là 725.753.150 và khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 31/5/2018 đến ngày 26/11/2019 là 1.045.205.548 đồng; Tổng cộng: Gốc: 7.000.000.000 đồng + lãi phát sinh: 1.770.958.698 đồng = 8.770.958.698 đồng (Tám tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm chính mươi tám đồng)
Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với lập luận nêu trên nên được chấp nhận; Trình bày và đề nghị của Bị đơn không phù hợp với lập luận nêu trên nên không được chấp nhận.
[3]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần hạ tầng Đ được chấp nhận vì vậy Công ty cổ phần hạ tầng Đ không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.572.500 đồng từ Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội; Bị đơn là bà Phạm Thị Mai H1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 116.770.959 đồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 27 pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và mục 3 danh mục mức án phí lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.
Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 184; khoản 1 Điều 227 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 146; Điều 466; Điều 468; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ vào Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ; khoản 1 Mục II danh mục mức án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần hạ tầng Đ đối với Bà Phạm Thị Mai H1 về khoản vay theo phiếu chi số PC25/05 ngày 21/5/2015.

2. Buộc Bà Phạm Thị Mai H1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần hạ tầng Đ số nợ gốc: 7.000.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh là: 1.770.958.698 đồng; Tổng cộng: **8.770.958.698 đồng** (Tám tỷ, bảy trăm bảy mươi triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm chính mươi tám đồng)

Bà Phạm Thị Mai H1 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền **8.770.958.698 đồng** *kể từ ngày 27/11/2019 cho đến khi thanh toán hết theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với số tiền chưa thanh toán*.

Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Mai H1 phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 116.770.959 đồng (Một trăm mười sáu triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn, chín trăm năm mươi chín đồng).

Công ty cổ phần hạ tầng Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Vì vậy được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.572.500 đồng (Năm mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, năm trăm đồng) từ Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0001445 ngày 01/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện hợp pháp của nguyên đơn và đại diện hợp pháp của Bị đơn;

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt khi tuyên án có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên;
-Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trâm Anh